

PGVN phát huy chức năng liên kết, góp phần thắng lợi của Cách mạng Việt Nam

ISSN: 2734-9195 09:05 27/12/2025

Phật giáo Việt Nam luôn là một bộ phận hữu cơ, một sứ giả của sự liên kết và đoàn kết trong lòng dân tộc. Từ việc gìn giữ văn hóa, khơi dậy tinh thần yêu nước trong thời kỳ thuộc địa, đến việc trực tiếp tham gia kháng chiến...

Tác giả: **Đại đức Thích Giác Hợp (1)**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

1. Đặt vấn đề

Trong dòng chảy hơn hai nghìn năm lịch sử của **dân tộc Việt Nam**, Phật giáo không chỉ là một hệ thống tín ngưỡng, tôn giáo mà còn là một phần không thể tách rời của văn hóa, tư tưởng và đời sống xã hội. Từ những buổi đầu du nhập, Phật giáo đã dần hòa quyện vào đời sống dân tộc, thể hiện những chức năng liên kết độc đáo, đặc biệt là trong những giai đoạn lịch sử đầy biến động. Bài viết này sẽ đi sâu phân tích vai trò, đặc điểm, các sự kiện lịch sử nổi bật của Phật giáo Việt Nam qua từng giai đoạn chính, đồng thời làm rõ chức năng liên kết của Phật giáo Việt Nam, đồng hành cùng dân tộc, đất nước và các tôn giáo khác.

2. Nội dung

2.1 Chức năng liên kết của tôn giáo - cơ sở, nội dung và nguyên tắc

Tôn giáo ra đời và đồng hành cùng với đời sống xã hội loài người từ lúc sơ khai cho đến ngày nay. Với vai trò là một trong sáu hình thái cơ bản của ý thức xã hội, tôn giáo đã phát huy hết khả năng của mình để đáp ứng được những tâm tư, nguyện vọng mà con người gửi gắm. Tôn giáo mang trong mình năm chức

năng cơ bản đó là: chức năng đền bù hư ảo, chức năng thế giới quan, chức năng điều chỉnh hành vi, chức năng liên kết và chức năng giao tiếp. Với mỗi một chức năng, tôn giáo đã phát huy khả năng của mình để giải quyết những thắc mắc, trăn trở, mong muốn của con người mà trong thế giới hiện thực không thể “hóa giải” được. Đồng thời, tôn giáo cũng là một sợi dây vô hình để kết nối, liên kết tất cả các thành phần, giai cấp trong xã hội thành một khối thống nhất, giúp cho trật tự xã hội ổn định.



Hình minh họa: Nguồn: Sách ảnh nghệ thuật “Tuệ giác Phật giáo: Nhân phẩm và Hòa bình” ra đời trong bối cảnh Đại lễ Phật đản Liên Hợp Quốc 2025

“Trong lịch sử xã hội có giai cấp, tôn giáo là một bộ phận quan trọng của kiến trúc thượng tầng, do đó cũng là nhân tố liên kết xã hội, góp phần duy trì, bảo vệ những trật tự xã hội hiện hành dựa vào những hệ thống giá trị và chuẩn mực chung của xã hội”. (2)

Chức năng liên kết của tôn giáo được thể hiện rõ nét hơn bao giờ hết, từ khi tôn giáo ra đời cho đến ngày nay chức năng ấy vẫn còn nguyên giá trị và tiếp tục thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình, đem lại lợi ích cho nhân quần xã hội loài người. Để hiểu sâu sắc hơn về chức năng này, chúng ta cần phân tích kỹ lưỡng các cơ sở hình thành, nội dung biểu hiện và nguyên tắc để phát huy nó một cách hiệu quả.

2.1.1 Cơ sở hình thành chức năng liên kết của tôn giáo

Chức năng liên kết của tôn giáo được hình thành thông qua ba yếu tố chính đó là nguyên lý về mối liên hệ phổ biến, mối quan hệ giữa các hình thái ý thức xã hội và các thiết chế tương ứng thuộc kiến trúc thượng tầng, sự tương tác giữa các hình thái ý thức xã hội thuộc kiến trúc thượng tầng.

Thứ nhất, nguyên lý về mối liên hệ phổ biến. ““Mối liên hệ” là một phạm trù triết học dùng để chỉ các mối ràng buộc tương hỗ, quy định và ảnh hưởng lẫn nhau giữa các yếu tố, bộ phận trong một đối tượng hoặc giữa các đối tượng với nhau... các sự vật, hiện tượng của thế giới tồn tại trong mối liên hệ qua lại với nhau, quy định lẫn nhau, thâm nhập, chuyển hóa lẫn nhau, không tách biệt nhau” (3). Tất cả sự vật, hiện tượng trong thế giới hiện thực khách quan đều tồn tại trong mối quan hệ đa chiều và tương tác lẫn nhau. Tôn giáo, với tư cách là một hình thái ý thức xã hội, cũng không nằm ngoài quy luật này. Niềm tin tôn giáo, giáo lý, nghi lễ, tổ chức tôn giáo và cộng đồng tín đồ tạo nên một mạng lưới liên kết nội tại và liên kết với các yếu tố bên ngoài. Mối liên hệ này là nền tảng triết học cho thấy tôn giáo luôn có khả năng liên kết trong một chỉnh thể thống nhất.

Thứ hai, mối quan hệ giữa các hình thái ý thức xã hội và các thiết chế tương ứng thuộc kiến trúc thượng tầng. “Kiến trúc thượng tầng là toàn bộ những quan điểm, tư tưởng xã hội với những thiết chế xã hội tương ứng cùng những quan hệ nội tại của thượng tầng hình thành trên một cơ sở hạ tầng nhất định” (4). Kiến trúc thượng tầng bao gồm toàn bộ những tư tưởng về chính trị, pháp quyền, đạo đức, tôn giáo, nghệ thuật, triết học... cùng với những thiết chế tương ứng như nhà nước, đảng phái, giáo hội, các đoàn thể và tổ chức xã hội khác. Các hình thái ý thức xã hội và các thiết chế tương ứng có mối quan hệ tác động qua lại chặt chẽ với nhau để tạo nên sự bền vững của kiến trúc thượng tầng. Tôn giáo là một trong số các hình thái ý thức xã hội, nên chức năng liên kết của tôn giáo cũng nằm trong mối liên hệ đó. Sự tương tác này là cơ sở để tôn giáo thể hiện chức năng liên kết, không chỉ trong cộng đồng tín đồ mà còn với các lực lượng xã hội khác.

Thứ ba, sự tương tác giữa các hình thái ý thức xã hội thuộc kiến trúc thượng tầng. “Các yếu tố của kiến trúc thượng tầng tồn tại trong mối liên hệ tác động qua lại lẫn nhau và đều nảy sinh trên cơ sở hạ tầng, phản ánh những cơ sở hạ tầng nhất định” (5). Không chỉ mối quan hệ giữa các hình thái ý thức xã hội cùng thiết chế tương ứng, mà chính bản các yếu tố đó cũng có sự tương tác với nhau. Sự tương tác này cho phép tôn giáo phát huy vai trò liên kết theo nhiều cách. Ví dụ, các giá trị đạo đức tôn giáo có thể bổ trợ cho hệ thống đạo đức xã hội nói chung, hoặc các quan điểm tôn giáo có thể ảnh hưởng đến nhận thức chính trị của một bộ phận dân cư. Ngược lại, các chủ trương, chính sách của

Đảng và Nhà nước cũng tác động đến đời sống tôn giáo, định hướng cho sự phát triển của các tổ chức tôn giáo. Chính sự tương tác năng động này làm cho chức năng liên kết của tôn giáo trở nên đa dạng và có ý nghĩa thực tiễn.

Như vậy, đây là ba cơ sở để hình thành nên chức năng liên kết của tôn giáo. Dựa vào ba cơ sở này cho chúng ta có cái nhìn toàn diện, đa chiều về tôn giáo. Chức năng liên kết hoạt động dựa trên những cơ sở lý luận mang tính khoa học.

2.1.2 Nội dung chức năng liên kết của tôn giáo

Chức năng liên kết của tôn giáo thể hiện ở việc các chủ thể liên quan (mà trước hết là những người theo tôn giáo đó và giáo hội) nhận thức và giải quyết các mối quan hệ trong đời sống xã hội.

Thứ nhất, mối quan hệ ở cấp độ giữa các cá nhân, mối quan hệ này thể hiện thông qua hai mối quan hệ thành phần đó là mối quan hệ giữa các tín đồ trong cùng một tôn giáo và mối quan hệ giữa các tín đồ trong một tôn giáo với những cá nhân khác không theo tôn giáo đó. *Một là*, mối quan hệ giữa các tín đồ trong cùng một tôn giáo. Đây là biểu hiện rõ nét nhất của chức năng liên kết. Tôn giáo cung cấp một hệ thống niềm tin, giá trị chung, các nghi lễ và hoạt động thờ cúng mà các tín đồ cùng hướng đến. Điều này tạo ra một sợi dây liên kết tinh thần và tình cảm mạnh mẽ, hình thành nên cộng đồng tôn giáo gắn bó. Các tín đồ có xu hướng hỗ trợ lẫn nhau về mặt vật chất, tinh thần, cùng nhau tham gia các hoạt động từ thiện, xã hội, thể hiện tinh thần “lá lành đùm lá rách” trong cộng đồng. *Hai là*, mối quan hệ giữa các tín đồ trong một tôn giáo với những cá nhân khác không theo tôn giáo đó. Chức năng liên kết của tôn giáo còn mở rộng ra ngoài phạm vi cộng đồng tín đồ. Tôn giáo có thể thúc đẩy sự tôn trọng, khoan dung và đối thoại giữa các tôn giáo khác nhau hoặc giữa người có tín ngưỡng và người không có tín ngưỡng. Các giá trị đạo đức phổ quát như lòng từ bi, nhân ái mà nhiều tôn giáo đề cao có thể trở thành cầu nối, khuyến khích sự hợp tác và xây dựng một xã hội hòa hợp.

Thứ hai, mối quan hệ giữa các thiết chế thuộc kiến trúc thượng tầng: mối quan hệ giữa Đảng phái chính trị và Nhà nước với Giáo hội. Nhà nước và các tổ chức tôn giáo có mối quan hệ tương tác và phụ thuộc lẫn nhau. Mối quan hệ này được xây dựng trên nguyên tắc tôn trọng pháp luật, hài hòa lợi ích và cùng hướng tới mục tiêu chung là xây dựng một quốc gia độc lập, thống nhất, giàu mạnh, văn minh. Giáo hội và các tổ chức tôn giáo có trách nhiệm tuân thủ pháp luật, hoạt động trong khuôn khổ pháp luật quy định và có những đóng góp tích cực cho xã hội. Ngược lại, Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động tôn giáo hợp pháp, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các tổ chức tôn giáo

và tín đồ. Sự tham gia của các chức sắc tôn giáo vào các cơ cấu chính quyền hoặc các tổ chức chính trị - xã hội (như Mặt trận Tổ quốc) là minh chứng cho sự liên kết giữa tôn giáo và nhà nước, thể hiện sự hòa hợp dân tộc.

2.1.3 Nguyên tắc phát huy chức năng liên kết của tôn giáo

Nguyên tắc phát huy chức năng liên kết của tôn giáo chính là nguyên tắc nhận thức và giải quyết các mối quan hệ trên, bao gồm:

Thứ nhất, bảo đảm hài hòa giữa giải quyết lợi ích chính trị và giải quyết lợi ích tôn giáo. Đây là nguyên tắc cốt lõi để duy trì sự ổn định và phát triển bền vững. Lợi ích chính trị, bao gồm sự ổn định xã hội, an ninh quốc gia, sự thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, là nền tảng cho mọi hoạt động, bao gồm cả hoạt động tôn giáo. Lợi ích tôn giáo, bao gồm quyền tự do tín ngưỡng, thờ cúng, sinh hoạt tôn giáo theo quy định của pháp luật, cũng cần được tôn trọng và đáp ứng. Việc hài hòa hai loại lợi ích này đòi hỏi sự khéo léo trong hoạch định chính sách, sự đối thoại cởi mở và sự thấu hiểu lẫn nhau giữa Nhà nước và các tổ chức tôn giáo.

Thứ hai, giải quyết lợi ích chính trị là điều kiện, cơ sở để giải quyết lợi ích tôn giáo. Một xã hội có nền tảng chính trị vững chắc, pháp luật được thượng tôn và các chính sách xã hội công bằng sẽ tạo ra môi trường thuận lợi cho mọi hoạt động, bao gồm cả hoạt động tôn giáo. Khi Nhà nước đảm bảo ổn định chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, thì quyền tự do tín ngưỡng của người dân cũng được bảo đảm tốt hơn. Ngược lại, nếu tình hình chính trị bất ổn, các quyền lợi cơ bản của công dân nói chung và tín đồ tôn giáo nói riêng sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực.

Thứ ba, giải quyết lợi ích tôn giáo tác động mạnh mẽ đến giải quyết lợi ích chính trị. Nguyên tắc này được nhìn nhận theo hai chiều: nếu giải quyết đúng đắn lợi ích tôn giáo thì sẽ thúc đẩy giải quyết lợi ích chính trị; nếu giải quyết không đúng đắn lợi ích tôn giáo sẽ kìm hãm, cản trở giải quyết lợi ích chính trị. Một là, theo chiều tích cực. Khi lợi ích tôn giáo được tôn trọng và giải quyết một cách thấu đáo, các tổ chức tôn giáo và tín đồ có xu hướng thể hiện sự gắn bó, đồng hành với dân tộc. Họ tham gia tích cực vào các hoạt động xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, và giữ gìn an ninh trật tự.

Hai là, theo chiều tiêu cực. Ngược lại, nếu các vấn đề tôn giáo bị giải quyết một cách phiến diện, cứng nhắc, hoặc không đáp ứng được những nhu cầu chính đáng của tín đồ, nó có thể dẫn đến sự bất mãn, chia rẽ trong xã hội, thậm chí bị các thế lực thù địch lợi dụng để chống phá Đảng và Nhà nước. Việc giải quyết sai lầm lợi ích tôn giáo có thể tạo ra những rào cản, kìm hãm sự phát triển của

khối đại đoàn kết toàn dân tộc và ảnh hưởng đến lợi ích chính trị chung.

Tóm lại, chức năng liên kết của tôn giáo là một khía cạnh quan trọng, phản ánh vai trò của tôn giáo trong việc gắn kết các thành phần xã hội. Việc hiểu rõ cơ sở, nội dung và các nguyên tắc phát huy chức năng này là vô cùng cần thiết để xây dựng một xã hội hài hòa, đoàn kết và phát triển.

2.2 Phật giáo Việt Nam phát huy chức năng liên kết, góp phần đem lại những thắng lợi của cách mạng Việt Nam - Lịch sử và hiện tại



(Ảnh: Internet)

Từ khi đặt chân vào Việt Nam, Phật giáo đã nhanh chóng hòa nhập được với văn hóa bản địa, hình thành nên một nét riêng, đặc sắc của Phật giáo Việt Nam. Những tư tưởng, triết lý của đạo Phật đã ăn sâu vào tiềm thức của người dân Việt từ những buổi đầu dựng nước. Vì thế, Phật giáo Việt Nam luôn đồng hành cùng với dân tộc bước qua những giai đoạn thăng trầm của lịch sử, cả khi đất nước ở thời bình lẫn thời chiến, Phật giáo giữ vai trò là thành tố trung gian liên kết quần chúng nhân dân, cùng với bộ máy chính quyền làm nên thắng lợi của các cuộc cách mạng. Cho đến giai đoạn cuối đầu thế kỷ XX và hiện tại, Phật giáo vẫn phát huy tinh thần nhập thế để đồng hành cùng với vận mệnh của dân tộc. Trong khuôn khổ của bài viết này, chúng tôi tìm hiểu chức năng liên kết của Phật giáo Việt Nam trong các giai đoạn của lịch sử nước nhà như: 1930-1945, 1945-1954, 1954-1975, 1975- 1986 và 1986 đến nay.

2.2.1 Phong trào chấn hưng Phật giáo giai đoạn 1930-1945 - Khôi phục tinh thần dân tộc trong bối cảnh thuộc địa

Giai đoạn này, mở ra một trang sử đầy biến động với sự thống trị của thực dân Pháp tại Việt Nam. Trong bối cảnh xã hội có nhiều xáo trộn, kinh tế bị khai thác, văn hóa phương Tây tràn vào, các giá trị truyền thống, trong đó có Phật giáo, đứng trước nguy cơ mai một. Chính trong giai đoạn khó khăn này, phong trào Chấn hưng Phật giáo đã nổi lên như một luồng sinh khí mới, thể hiện rõ nét chức năng liên kết của Phật giáo với dân tộc và đất nước.

Phong trào chấn hưng Phật giáo không chỉ đơn thuần là sự phục hồi các giá trị cốt lõi trong giáo lý mà còn là nỗ lực hiện đại hóa Phật giáo để thích ứng với thời đại. Vì vậy, trong *tạp chí Viên Âm* **có đoạn viết:** “... Hiện nay thanh niên xứ ta đương chăm về các món khoa học; khoa học chú trọng về thực nghiệm, bất cứ việc gì cũng phải xét cho tột nguồn gốc, nếu không có lý nghĩa rõ ràng thì không chịu tín phục...” (6). Căn cứ vào những vấn đề đặt ra trong tồn tại xã hội, cho nên đây là động lực để Phật giáo thực hiện phong trào chấn hưng và cũng là cơ hội để nhập thế tích cực, thích nghi với thời đại và cố kết tinh thần của tín đồ Phật tử nói riêng và quần chúng nhân dân nói chung.

Các nhà lãnh đạo Phật giáo thời kỳ này như Hòa thượng Thanh Hanh, Hòa thượng Trí Hải, Hòa thượng Tuệ Pháp, Hòa thượng Khánh Anh,... đã tiên phong trong việc cải cách giáo lý, đơn giản hóa nghi lễ, tổ chức lại Tăng đoàn, đào tạo Tăng tài và phát triển báo chí Phật giáo. Sự ra đời của các tổ chức như Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học (1931), Hội An Nam Phật học (1932), Hội Phật giáo Bắc Kỳ (1934), đã tạo nên một mạng lưới kết nối trong cộng đồng Phật tử, giúp họ đoàn kết và cùng nhau suy tư về vận mệnh đất nước. Quan trọng hơn cả, phong trào này đã nuôi dưỡng tinh thần yêu nước, góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc trước nguy cơ đồng hóa của Pháp. Các bài viết trên tạp chí Phật giáo như “Đuốc Tuệ” (xuất bản năm 1935), “Viên Âm” (xuất bản năm 1933) không chỉ truyền bá Phật pháp mà còn khơi gợi lòng yêu nước, trăn trở về tương lai dân tộc. Những sự kiện như thành lập các hội Phật giáo lớn hay Đại hội Phật giáo toàn quốc lần thứ nhất tại Huế (1942) đã khẳng định ý chí phục hồi và sự gắn kết của Phật giáo với dân tộc. Mặc dù không trực tiếp tham gia đấu tranh vũ trang, nhưng vai trò của Phật giáo trong việc giữ gìn văn hóa và khơi dậy tinh thần yêu nước là vô cùng quan trọng, làm nên thắng lợi của Cách mạng tháng Tám (1945), tạo nền tảng cho những đóng góp lớn lao hơn trong các giai đoạn tiếp theo.

2.2.2 Phật giáo phát huy tinh thần “hộ quốc an dân” trong kháng chiến chống thực dân Pháp giai đoạn 1945-1954

Sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, Việt Nam bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược. Đây là thời kỳ lịch sử đầy thử thách, đòi hỏi sự chung sức, đồng lòng của toàn dân tộc. Trong bối cảnh đó, Phật giáo Việt Nam đã thể hiện một cách mạnh mẽ chức năng liên kết của mình với dân tộc và đất nước, thực hiện trọn vẹn tinh thần “hộ quốc an dân” vốn đã ăn sâu vào tiềm thức văn hóa Việt Nam.

Phật giáo Việt Nam đã đồng hành cùng dân tộc trong suốt thời gian của cuộc kháng chiến. Nhiều ngôi chùa không chỉ là nơi tu hành mà còn trở thành cơ sở cách mạng, nuôi giấu cán bộ, cất giấu vũ khí, lương thực, và là địa điểm tập kết, hội họp bí mật. Nhiều Tăng Ni đã vượt lên trên giới luật thông thường để tham gia kháng chiến, phục vụ chiến trường, thậm chí hy sinh anh dũng vì độc lập dân tộc.

“Khí thế ở Bắc và Nam cũng không khác gì ở Trung hầu hết tăng ni trẻ tuổi đều đi theo tiếng gọi của cách mạng. Thiền sư Thái Hòa thành lập Tăng Già Cứu Quốc Đoàn và vận động tổ chức khắp nơi các đơn vị Phật Giáo Cứu Quốc (ở miền Bắc). Không có Phật học đường nào được mở cửa, dù là Phật học được cho ni sinh. Tại Phật học đường Phật Quang ở Trà Vinh, đa số thanh niên học tăng đều bỏ học đi theo kháng chiến”. (7)

Giáo lý Phật giáo về lòng từ bi, hỷ xả, vô ngã vị tha đã được các nhà tu hành vận dụng để khích lệ tinh thần yêu nước, ý chí kiên cường, bất khuất cho quân và dân. Sự kiện 27 tăng ni tại chùa Cổ Lễ (Nam Định) phát nguyện “cởi áo cà sa khoác áo chiến bào” vào năm 1947 là minh chứng sống động cho tinh thần này. Các tổ chức Phật giáo như Tăng già Cứu quốc, Gia đình Phật hóa phổ, ... đã tập hợp Tăng ni, Phật tử và các tầng lớp nhân dân, tạo nên sức mạnh đoàn kết rộng lớn, chung sức cho công cuộc kháng chiến. Trong giai đoạn này, Phật giáo cũng đã liên kết với các tôn giáo khác như Công giáo, Tin Lành, Cao Đài, Hòa Hảo trong Mặt trận Việt Minh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tạo nên khối đoàn kết dân tộc vững chắc chống lại kẻ thù xâm lược, làm nên thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đặc biệt là chiến dịch Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu.

2.2.3 Phật giáo với phong trào đấu tranh và kháng chiến chống đế quốc Mỹ giai đoạn 1954-1975

Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954, Việt Nam tạm thời bị chia cắt thành hai miền Nam - Bắc. Phật giáo Việt Nam ở cả hai miền đã phát huy chức năng liên kết của mình một cách mạnh mẽ, với những đặc điểm và vai trò khác nhau, nhưng đều hướng tới mục tiêu chung là độc lập, thống nhất và phát triển của dân tộc.



(Ảnh: Internet)

Thứ nhất, Phật giáo Việt Nam góp phần xây dựng Xã hội Chủ nghĩa ở miền Bắc và hỗ trợ miền Nam ruột thịt. Phật giáo tiếp tục thực hiện chủ trương “hộ quốc an dân”, đồng hành cùng dân tộc trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và chuẩn bị cho giải phóng Miền Nam. Phật giáo đã tích cực tham gia vào các phong trào thi đua yêu nước, lao động sản xuất, xây dựng hợp tác xã, công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nhiều chùa chiền và Tăng Ni, Phật tử đã đóng góp sức người, sức của vào công cuộc kiến thiết đất nước và hỗ trợ mạnh mẽ cuộc đấu tranh thống nhất đất nước của Miền Nam. Song song với đó, Phật giáo miền Bắc cũng chú trọng hoằng dương chính pháp, giáo dục Tăng tài, gìn giữ các giá trị văn hóa Phật giáo, làm phong phú thêm đời sống tinh thần của nhân dân. Mối quan hệ giữa Phật giáo và các tôn giáo khác tại miền Bắc dựa trên nguyên tắc đoàn kết dân tộc và tôn trọng tự do tín ngưỡng, cùng tham gia vào Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Thứ hai, Phật giáo là lực lượng đấu tranh cho dân chủ và thống nhất ở miền Nam. Trong bối cảnh chính quyền Ngô Đình Diệm đàn áp Phật giáo, kỳ thị tôn giáo, Phật giáo Miền Nam đã trở thành một lực lượng lãnh đạo chủ yếu trong các phong trào đấu tranh đòi quyền bình đẳng tôn giáo, tự do dân chủ và phản đối chiến tranh. Các cuộc biểu tình, tuần hành, tuyệt thực,... của Phật giáo đã thu hút sự tham gia của hàng vạn tín đồ, tạo áp lực mạnh mẽ lên chính quyền. Các sự kiện lịch sử như vụ thảm sát năm 1963 tại Huế và hành động tự thiêu bi

tráng của Hòa thượng Thích Quảng Đức vào ngày 11 tháng 6 năm 1963 đã gây chấn động dư luận quốc tế, buộc chính quyền Ngô Đình Diệm phải sụp đổ và góp phần thay đổi cục diện chính trị miền Nam. *“Vị thiền sư ngồi tự thiêu ở ngã tư Phan Đình Phùng - Lê Văn Duyệt tên là Thích Quảng Đức, sáu mươi bảy tuổi, trú trì chùa Quan Âm ở Gia Định. Trong tư thế kiết già tay bắt ấn Cam Lộ, ông ngồi vững như một pho tượng đồng trong khi ngọn lửa cháy lên cao gần bốn thước, phủ trọn cả thân hình ông. Đó là vào khoảng đầu giờ Ngọ ngày 11 tháng 6 năm 1963”.* (8) Phật giáo đã trở thành một động lực xã hội quan trọng thúc đẩy sự thay đổi chính trị, đòi hỏi quyền tự quyết, công bằng và chấm dứt độc tài. Sự kiện thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất năm 1964 là minh chứng cho sức mạnh đoàn kết của Phật giáo Miền Nam, làm tiền đề cho cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ thắng lợi, thống nhất hai miền Nam - Bắc, đất nước về liền một dải.

2.2.4 Phật giáo hợp nhất, kiến tạo sự đoàn kết và tái thiết giai đoạn 1975-1986

Sau ngày đất nước thống nhất năm 1975, Việt Nam đối mặt với nhiệm vụ hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng lại đất nước và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Trong bối cảnh này, Phật giáo Việt Nam đã thực hiện một bước ngoặt lịch sử với việc hợp nhất 9 hệ phái, tổ chức Phật giáo thành một Giáo hội thống nhất, qua đó thể hiện mạnh mẽ chức năng liên kết của mình với dân tộc và đất nước.

Việc thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam vào năm 1981 là sự kiện lịch sử quan trọng, đánh dấu sự thống nhất về mặt tổ chức và hệ thống quản lý của Phật giáo Việt Nam. Sự kiện này đã tạo ra sức mạnh nội tại to lớn cho Phật giáo, giúp Giáo hội hoạt động hiệu quả hơn trong việc phục vụ dân tộc và đất nước. Trong giai đoạn tái thiết, Phật giáo đã thể hiện vai trò liên kết tích cực trong việc hòa hợp và tái thiết đất nước. Giáo hội Phật giáo Việt Nam tham gia vào các hoạt động an sinh xã hội, cứu trợ đồng bào khó khăn, ủng hộ các chính sách của Nhà nước. Nhiều ngôi chùa bị hư hại trong chiến tranh đã được trùng tu, phục hồi, thể hiện sự quan tâm của Giáo hội và cộng đồng đối với các di sản văn hóa và tôn giáo. Với phương châm “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã trở thành một thành viên tích cực của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, bao gồm cả sự đoàn kết giữa các tôn giáo.

2.2.5 Phật giáo hội nhập và phát triển, gắn bó với công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế giai đoạn từ năm 1986 đến nay

Từ đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI năm 1986, Việt Nam bước vào giai đoạn đổi mới, mở cửa và hội nhập quốc tế sâu rộng. Trong bối cảnh này, Phật giáo Việt Nam, với chức năng liên kết vốn có, đã tận dụng những cơ hội mới để phát triển mạnh mẽ, vừa gìn giữ bản sắc, vừa đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Phật giáo Việt Nam đã đồng hành cùng công cuộc Đổi mới và phát triển đất nước, tích cực tham gia vào các hoạt động từ thiện, nhân đạo, góp phần giảm nghèo, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, dịch bệnh. Các hoạt động này thể hiện tinh thần từ bi và trách nhiệm xã hội của tôn giáo. Đồng thời, Phật giáo Việt Nam đã mở rộng giao lưu với các tổ chức Phật giáo quốc tế, tổ chức thành công nhiều sự kiện Phật giáo lớn mang tầm quốc tế như Đại lễ Vesak Liên Hiệp Quốc. Những sự kiện này không chỉ là dịp để các Tăng ni, Phật tử thể hiện lòng tôn kính Đức Phật mà còn là cơ hội để giới thiệu văn hóa, đất nước và con người Việt Nam đến với bạn bè quốc tế. Phật giáo cũng tích cực phát huy vai trò giáo dục đạo đức, lối sống, góp phần xây dựng một xã hội văn minh, lành mạnh, và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống. Cuối cùng, Phật giáo Việt Nam ngày càng gắn bó chặt chẽ với Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cùng nhau thực hiện các mục tiêu phát triển đất nước, giữ gìn an ninh trật tự, và thúc đẩy khối đại đoàn kết toàn dân tộc, trong đó có sự đoàn kết giữa các tôn giáo.

2.3. Một số khuyến nghị tiếp tục phát huy chức năng liên kết của Phật giáo Việt Nam, góp phần đem lại những thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

Để góp phần giúp cho Phật giáo Việt Nam phát huy chức năng liên kết trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, chúng tôi xin đưa ra một số khuyến nghị như sau:



Hình minh họa: Nguồn: Sách ảnh nghệ thuật “Tuệ giác Phật giáo: Nhân phẩm và Hòa bình” ra đời trong bối cảnh Đại lễ Phật đản Liên Hợp Quốc 2025

Thứ nhất, tăng cường vai trò giáo dục và hoằng pháp. Phật giáo Việt Nam cần tiếp tục đẩy mạnh công tác giáo dục đạo đức, lối sống theo tinh thần “tốt đời đẹp đạo”, “phụng sự chúng sinh tức là cúng dường chư Phật” cho thế hệ trẻ. Việc này nên tập trung vào các giá trị cốt lõi như lòng từ bi, trí tuệ, hiếu thảo, tinh thần trách nhiệm với gia đình, xã hội và Tổ quốc.

Thứ hai, phát huy vai trò an sinh xã hội và từ thiện. Phật giáo Việt Nam cần tiếp tục phát huy và mở rộng các hoạt động từ thiện, an sinh xã hội, thể hiện tinh thần từ bi và trách nhiệm cộng đồng. Các hoạt động này nên tập trung vào các lĩnh vực quan trọng như xóa đói giảm nghèo, chăm sóc sức khỏe, giáo dục cho trẻ em khó khăn, hỗ trợ người già neo đơn, người khuyết tật. Bên cạnh đó, Phật giáo cũng cần đẩy mạnh các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, thể hiện trách nhiệm của tôn giáo đối với hành tinh và các thế hệ tương lai.

Thứ ba, Tăng cường liên kết quốc tế và giao lưu văn hóa với các quốc gia. Để tăng cường chức năng liên kết và quảng bá hình ảnh Việt Nam, Phật giáo Việt Nam cần chủ động tham gia và tổ chức các hoạt động giao lưu quốc tế về Phật giáo, văn hóa, khoa học. Việc này bao gồm việc tăng cường trao đổi học thuật, kinh nghiệm với các tổ chức Phật giáo trên thế giới, cũng như phát huy vai trò của Phật giáo Việt Nam trong việc giới thiệu văn hóa, đất nước và con người Việt Nam đến bạn bè quốc tế.

Thứ tư, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc và tôn giáo. Nhằm tiếp tục phát huy vai trò liên kết và đóng góp cho sự nghiệp cách mạng, Phật giáo Việt Nam cần củng cố tinh thần “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”, duy trì mối quan hệ hài hòa giữa Phật giáo, Nhà nước và các tôn giáo khác. Việc vận động Tăng ni, Phật tử tham gia tích cực vào các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động do Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát động là vô cùng quan trọng.

Thứ năm, bảo vệ Tổ quốc và phát triển Bền vững. Phật giáo Việt Nam cần phát huy hơn nữa tinh thần yêu nước và trách nhiệm với dân tộc trong việc bảo vệ Tổ quốc và phát triển bền vững. Việc này bao gồm việc đẩy mạnh tuyên truyền về chủ quyền biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc, khơi dậy lòng yêu nước và ý thức bảo vệ Tổ quốc trong cộng đồng Phật tử. Đồng thời, Phật giáo cần tham gia tích cực vào công tác bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, đấu tranh chống các hoạt động lợi dụng tôn giáo để gây chia rẽ, phá hoại.

3. Kết luận

Nhìn lại các giai đoạn lịch sử, có thể khẳng định rằng Phật giáo Việt Nam luôn là một bộ phận hữu cơ, một sứ giả của sự liên kết và đoàn kết trong lòng dân tộc. Từ việc gìn giữ văn hóa, khơi dậy tinh thần yêu nước trong thời kỳ thuộc địa, đến việc trực tiếp tham gia kháng chiến, lãnh đạo đấu tranh đòi quyền dân chủ, thống nhất đất nước, và cuối cùng là đồng hành cùng công cuộc đổi mới, hội nhập, Phật giáo luôn cho thấy khả năng thích ứng và phát huy vai trò của mình trong mọi hoàn cảnh lịch sử. Sự gắn bó máu thịt giữa Phật giáo và dân tộc Việt Nam là minh chứng cho sức sống mãnh liệt và những đóng góp to lớn của tôn giáo này cho sự nghiệp dựng nước và giữ nước qua các thời đại.

Tác giả: **Đại đức Thích Giác Hợp**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

Chú thích:

- 1) Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội.
- 2) Trần Đăng Sinh, Đào Đức Doãn (2014), *Giáo trình Tôn giáo học*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội, tr.36.
- 3) Bộ giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình triết học Mác-Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội, tr.169- 173.

4) Bộ giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình triết học Mác-Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội, tr.296.

5) Bộ giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình triết học Mác-Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội, tr.297.

6) Nguyễn Lang (1994), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb. Văn học, Hà Nội, tr.566.

7) Nguyễn Lang (1994), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb. Văn học, Hà Nội, tr.683.

8) Nguyễn Lang (1994), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb. Văn học, Hà Nội, tr.806.

Tài liệu tham khảo:

1] Bộ giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình triết học Mác-Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội.

2] Nguyễn Lang (1994), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb. Văn học, Hà Nội.

3] Trần Đăng Sinh, Đào Đức Doãn (2014), *Giáo trình Tôn giáo học*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội, tr.36.